

QUỐC HỘI

Luật số: 05/2022/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2022

LUẬT

ĐIỆN ẢNH

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Điện ảnh.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động điện ảnh; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh; quản lý nhà nước về điện ảnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia hoạt động điện ảnh tại Việt Nam và ở nước ngoài.
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động điện ảnh tại Việt Nam.
- Cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điện ảnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Điện ảnh* là ngành nghệ thuật tổng hợp, áp dụng công nghệ nghe nhìn và các thủ pháp sáng tác để sản xuất phim.
- Phim* là tác phẩm điện ảnh, có nội dung, được biểu hiện bằng hình ảnh động liên tiếp hoặc hình ảnh do các thiết bị kỹ thuật, công nghệ tạo ra; có hoặc không có âm thanh và các hiệu ứng khác theo nguyên tắc của ngôn ngữ điện ảnh; được ghi trên các chất liệu, bằng kỹ thuật số hoặc phương tiện kỹ thuật khác và được phổ biến đến người xem, bao gồm các loại hình phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình và phim kết hợp nhiều loại hình.

Phim không bao gồm sản phẩm ghi hình nhằm mục đích phổ biến tin tức trên dịch vụ phát thanh, truyền hình, không gian mạng; chương trình biểu diễn nghệ thuật, trò chơi điện tử; sản phẩm ghi hình về hoạt động của một hoặc nhiều người, mô tả các sự kiện, tình huống hoặc chương trình thực tế.

3. *Hoạt động điện ảnh* bao gồm sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim, quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh, lưu chiếu, lưu trữ phim, đào tạo nguồn nhân lực điện ảnh.

4. *Công nghiệp điện ảnh* là ngành kinh tế sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, sử dụng tài năng nghệ thuật, tiềm năng văn hóa kết hợp với công nghệ và kỹ năng kinh doanh để tạo ra tác phẩm điện ảnh và dịch vụ điện ảnh.

5. *Cơ sở điện ảnh* là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác do tổ chức, cá nhân thành lập, thực hiện hoạt động điện ảnh theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. *Sản xuất phim* là quá trình tạo ra một bộ phim từ xây dựng kịch bản phim đến khi hoàn thành phim.

7. *Phát hành phim* là việc trao đổi, mua, bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu phim.

8. *Phổ biến phim* là việc đưa phim đến người xem thông qua các hình thức chiếu phim trong rạp chiếu phim, tại địa điểm chiếu phim công cộng, tại trụ sở cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập tại Việt Nam, trên hệ thống truyền hình, không gian mạng và phương tiện nghe nhìn khác.

9. *Phân loại phim* là việc thẩm định nội dung phim, xếp loại phim để phổ biến phù hợp với độ tuổi người xem hoặc không được phép phổ biến.

10. *Kịch bản phim* là toàn bộ nội dung phim thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác trên các chất liệu, bằng kỹ thuật số hoặc phương tiện kỹ thuật khác.

11. *Chủ sở hữu phim* là tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất, kỹ thuật để sản xuất phim, mua quyền sở hữu phim hoặc được tặng cho, thừa kế quyền sở hữu phim và hình thức khác theo quy định của pháp luật.

12. *Phim Việt Nam* là phim đã được phép phổ biến tại Việt Nam theo quy định của Luật này và có ít nhất hai trong ba yếu tố sau: đạo diễn có quốc tịch Việt Nam, có cơ sở điện ảnh Việt Nam tham gia sản xuất phim, có chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

13. *Cung cấp dịch vụ sản xuất phim* là hoạt động cung cấp phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, bối cảnh, nhân lực và hoạt động khác liên quan đến sản xuất phim.

14. *Trường quay* là nơi để thực hiện cảnh quay đáp ứng điều kiện về không gian, trang thiết bị kỹ thuật để dựng bối cảnh phù hợp với việc sản xuất phim, bao gồm trường quay trong nhà và trường quay ngoài trời.

15. *Địa điểm chiếu phim công cộng* là nhà hát, nhà văn hóa, nhà triển lãm, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ, cơ sở cung cấp dịch vụ lưu trú, cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, vũ trường, cửa hàng, cửa hiệu, sân vận động, nhà thi đấu thể thao, quảng trường, phương tiện vận tải hành khách công cộng và phương tiện, địa điểm công cộng khác có tổ chức chiếu phim.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động điện ảnh

1. Xây dựng nền điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của Nhân dân và hội nhập quốc tế.
2. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bảo đảm tính nhân văn, thẩm mỹ và giải trí.
3. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do sáng tạo trong khuôn khổ của pháp luật, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh.
4. Bảo đảm sự bình đẳng, cạnh tranh công bằng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh và phát triển công nghiệp điện ảnh.
5. Phát triển công nghiệp điện ảnh phù hợp quy luật thị trường và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
6. Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội đầu tư, hỗ trợ cho điện ảnh, ưu tiên vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn.
7. Tuân thủ quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh, công nghiệp điện ảnh

1. Nhà nước có chính sách huy động các nguồn lực, thực hiện các biện pháp bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, phát triển thị trường điện ảnh, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh để xây dựng ngành công nghiệp điện ảnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.
2. Nhà nước đầu tư, hỗ trợ cho các hoạt động sau đây:
 - a) Sản xuất phim thực hiện theo kế hoạch phục vụ nhiệm vụ chính trị về đề tài lịch sử, cách mạng, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc, trẻ em, vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam;
 - b) Sáng tác kịch bản phim, phát hành, phổ biến phim, cung cấp kinh phí tổ chức, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phổ biến phim phục vụ vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn; phục vụ trẻ em, lực lượng vũ trang và nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại, giáo dục khác;

- c) Tổ chức liên hoan phim quốc gia, liên hoan phim quốc tế, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam; giải thưởng phim và cuộc thi phim cấp quốc gia, quốc tế; liên hoan phim, chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài;
- d) Nhận chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kịch bản phim, phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao để tuyên truyền, giáo dục, nghiên cứu, lưu trữ và phục vụ nhiệm vụ chính trị; biên tập, dịch, làm phụ đề phim để phục vụ hoạt động giới thiệu đất nước, con người Việt Nam;
- đ) Phát triển hoạt động lý luận, phê bình điện ảnh; tuyên truyền, giới thiệu, định hướng thẩm mỹ điện ảnh;
- e) Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong hoạt động điện ảnh;
- g) Xây dựng và quảng bá thương hiệu điện ảnh quốc gia;
- h) Xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật, trường quay phục vụ sản xuất, phát hành, phổ biến, lưu chiếu và lưu trữ phim;
- i) Xây dựng hệ thống hạ tầng thống kê, cơ sở dữ liệu ngành điện ảnh.

3. Nhà nước có chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế và đất đai đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật.

4. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này và các hoạt động sau đây:

- a) Sản xuất, phát hành và phổ biến phim; quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh; hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật số để phát triển điện ảnh;
- b) Cung cấp dịch vụ tài chính, tín dụng, bảo lãnh, thế chấp quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm bảo hiểm để phát triển điện ảnh;
- c) Tài trợ, hiến tặng cho hoạt động điện ảnh và quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh do tổ chức, cá nhân thành lập.

5. Chính phủ quy định chi tiết điểm d và điểm e khoản 2 Điều này.

Điều 6. Phát triển nguồn nhân lực điện ảnh

1. Nhà nước có chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện phát triển tài năng điện ảnh, ưu tiên hỗ trợ tài năng trẻ; đãi ngộ thích hợp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực điện ảnh.
2. Nhà nước ưu tiên đầu tư, xây dựng một số cơ sở đào tạo, ngành đào tạo về điện ảnh đạt tiêu chuẩn quốc tế; hỗ trợ các cơ sở đào tạo về văn hóa nghệ thuật đào tạo chuyên ngành hoặc liên kết đào tạo điện ảnh ở trong nước và nước ngoài.

3. Nhà nước khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao công nghệ nhằm phát triển nguồn nhân lực điện ảnh phục vụ sản xuất, phát hành, phổ biến phim thông qua triển khai các chương trình, dự án của Nhà nước và hợp tác với nước ngoài; kết hợp đào tạo nguồn nhân lực điện ảnh với nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ.

Điều 7. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh

Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội có trách nhiệm sau đây:

1. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên theo quy định của pháp luật;
2. Tham gia xây dựng, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về điện ảnh;
3. Tham gia xúc tiến, quảng bá, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về điện ảnh; xây dựng môi trường hoạt động nghề nghiệp và kinh doanh lành mạnh cho hội viên; huy động các nguồn lực xã hội để triển khai hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật;
4. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; vận động hội viên, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh thực hiện đúng quy định của pháp luật;
5. Phát hiện và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về điện ảnh.

Điều 8. Hợp tác đầu tư nước ngoài trong hoạt động điện ảnh

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hợp tác đầu tư với cơ sở điện ảnh Việt Nam để sản xuất, phát hành, phổ biến phim theo quy định của pháp luật về đầu tư dưới hình thức sau đây:

- a) Thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp, trong đó, phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 51 % vốn điều lệ;
- b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

2. Nhà văn hóa, đơn vị chiếu phim, câu lạc bộ và hiệp hội chiếu phim công cộng, đội chiếu phim lưu động của Việt Nam không được phép tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

Điều 9. Những nội dung và hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh

1. Nghiêm cấm hoạt động điện ảnh có nội dung sau đây:

- a) Vi phạm Hiến pháp, pháp luật; kích động chống đối hoặc phá hoại việc thi hành Hiến pháp, pháp luật;

- b) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; gây tổn hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc, giá trị văn hóa Việt Nam; xúc phạm Quốc kỳ, Đảng kỳ, Quốc huy, Quốc ca;
- c) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù, kì thị giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng phản động, tệ nạn xã hội; phá hoại văn hóa, đạo đức xã hội;
- d) Xuyên tạc lịch sử dân tộc, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; thể hiện không đúng, xâm phạm chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân;
- đ) Truyền bá, ủng hộ chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa cực đoan;
- e) Kích động, xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo; tuyên truyền, cổ súy cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo bất hợp pháp;
- g) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật;
- h) Kích động bạo lực, hành vi tội ác bằng việc thể hiện chi tiết cách thức thực hiện, hình ảnh, âm thanh, lời thoại, cảnh đánh đập, tra tấn, giết người dã man, tàn bạo và những hành vi khác xúc phạm đến nhân phẩm con người, trừ trường hợp thể hiện các nội dung đó để phê phán, tố cáo, lên án tội ác, đề cao chính nghĩa, tôn vinh giá trị truyền thống, văn hóa;
- i) Thể hiện chi tiết hình ảnh, âm thanh, lời thoại dâm ô, trụy lạc, loạn luân;
- k) Vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, người chưa thành niên;
- l) Vi phạm nguyên tắc bình đẳng giới, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới.

2. Nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Phát hành, phổ biến phim trong rạp chiếu phim, trên hệ thống truyền hình và địa điểm chiếu phim công cộng mà không có Giấy phép phân loại phim của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh (sau đây gọi là Giấy phép phân loại phim) hoặc Quyết định phát sóng của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động truyền hình (sau đây gọi là Quyết định phát sóng);
- b) Phổ biến phim trên không gian mạng mà không phân loại, hiển thị kết quả phân loại phim theo quy định của Luật này;
- c) Thay đổi, làm sai lệch nội dung phim và kết quả phân loại phim đối với phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;
- d) Sản xuất, phát hành, phổ biến phim, lưu chiếu, lưu trữ phim không tuân thủ quy định của Luật này, Luật Sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Phát hành, phổ biến phim đã có quyết định thu hồi Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

e) Sao chép phim khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu phim, trừ trường hợp Luật sở hữu trí tuệ có quy định khác;

g) Không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng;

h) Thẩm định, cấp Giấy phép phân loại phim trái quy định của pháp luật.

Chương II

SẢN XUẤT PHIM

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh sản xuất phim bao gồm:

a) Sản xuất, hợp tác sản xuất phim; cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

b) Tham gia sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Tham gia liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim.

2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim bao gồm:

a) Bảo đảm sản xuất phim theo nội dung đã đăng ký kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt;

b) Thực hiện nội dung văn bản thẩm định kịch bản đối với phim sản xuất sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, y tế, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, bảo vệ di sản văn hóa và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất phim;

d) Gửi văn bản cam kết không vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong trường hợp hợp tác sản xuất phim với tổ chức, cá nhân nước ngoài, nhận tài trợ từ tổ chức, cá nhân nước ngoài để sản xuất phim;

đ) Tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên và thành viên khác trong đoàn làm phim

1. Quyền của nhà sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên và thành viên khác trong đoàn làm phim bao gồm:

- a) Sáng tạo nghệ thuật trong khuôn khổ của pháp luật;
- b) Hưởng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- c) Được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến hoạt động điện ảnh.

2. Nghĩa vụ của nhà sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên và thành viên khác trong đoàn làm phim bao gồm:

- a) Tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- b) Thực hiện hợp đồng với cơ sở điện ảnh sản xuất phim trên cơ sở thỏa thuận và không trái quy định của pháp luật;
- c) Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật.

Điều 12. Hoạt động của trường quay

- 1. Tổ chức quản lý, điều hành hoặc hợp tác liên doanh, liên kết sản xuất phim.
- 2. Cung cấp dịch vụ sản xuất phim và dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hoạt động sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài

- 1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất phim tại Việt Nam phải sử dụng dịch vụ sản xuất phim do cơ sở điện ảnh Việt Nam cung cấp.
- 2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam phải bảo đảm các điều kiện sau đây:
 - a) Có văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ sản xuất phim với cơ sở điện ảnh Việt Nam;
 - b) Các phim sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam không vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này;
 - c) Trường hợp sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam.
- 3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Kịch bản tóm tắt phim và kịch bản chi tiết nội dung quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam bằng tiếng Việt;

c) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài;

d) Văn bản cam kết không vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này của tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam.

4. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam hoặc cơ sở điện ảnh Việt Nam cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp kịch bản phải sửa nội dung do vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan hoặc hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được kịch bản đã sửa nội dung hoặc hồ sơ đã sửa đổi, bổ sung đầy đủ thông tin, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp Giấy phép.

5. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều này sau khi đã được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc cơ sở điện ảnh Việt Nam phải thực hiện đề nghị cấp lại Giấy phép theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều này; trừ trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a và điểm c khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp Giấy phép.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này trong quá trình sản xuất phim;

b) Thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép là giả mạo;

c) Không thực hiện đúng nội dung Giấy phép.

Điều 14. Sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước

1. Sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước để phục vụ nhiệm vụ chính trị quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Luật này được thực hiện bằng hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.
2. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước là Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
3. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện quy trình lựa chọn dự án sản xuất phim;
 - b) Thành lập Hội đồng thẩm định kịch bản, Hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
4. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước được huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để sản xuất phim.
5. Quyền sở hữu phim, quyền sở hữu trí tuệ đối với phim sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.
6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều này.

Chương III

PHÁT HÀNH PHIM

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phát hành phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh phát hành phim bao gồm:
 - a) Phát hành phim tại Việt Nam và nước ngoài;
 - b) Trao đổi, mua, bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu phim theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phát hành phim bao gồm:
 - a) Bảo đảm phát hành phim theo nội dung đã đăng ký kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt;
 - b) Bảo đảm phim phát hành tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung phim phát hành.

Điều 16. Trao đổi, mua, bán, cho thuê phim

Tổ chức, cá nhân trao đổi, mua, bán, cho thuê phim theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Xuất khẩu phim, nhập khẩu phim

1. Tổ chức, cá nhân chỉ được xuất khẩu phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.
2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phim phải cam kết bằng văn bản về nội dung phim không vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3. Người đứng đầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu phim chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung phim nhập khẩu để phổ biến phim; quản lý, sử dụng phim phục vụ hoạt động nghiên cứu, giáo dục, lưu trữ và lưu hành nội bộ.
4. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia xuất khẩu phim.

Chương IV

PHỔ BIẾN PHIM

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh phổ biến phim bao gồm:
 - a) Phổ biến phim theo quy định của pháp luật;
 - b) Thực hiện quảng cáo phim và dịch vụ khác phục vụ người xem theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim bao gồm:
 - a) Bảo đảm phổ biến phim theo nội dung đã đăng ký kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt;
 - b) Chỉ được phổ biến phim có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng, trừ trường hợp tự thực hiện phân loại phim theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 của Luật này;
 - c) Bảo đảm điều kiện để phổ biến phim đối với từng hình thức phổ biến phim;
 - d) Thực hiện hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - đ) Dừng việc phổ biến phim khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 19. Phổ biến phim trong rạp chiếu phim

1. Cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong rạp chiếu phim phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Có rạp chiếu phim bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong rạp chiếu phim có quyền sau đây:

- a) Từ chối phục vụ người xem trong trường hợp người xem sử dụng chất cấm, chất kích thích; mang vũ khí, vật liệu gây cháy, nổ, chất phóng xạ, chất độc hại, chất cấm, chất kích thích vào rạp chiếu phim; gây rối, mất trật tự tại rạp chiếu phim;
- b) Ngăn chặn việc sao chép, ghi âm, ghi hình, truyền phát phim trái quy định của pháp luật;
- c) Yêu cầu cá nhân vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản này rời khỏi rạp chiếu phim, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xử lý cá nhân vi phạm.

3. Cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong rạp chiếu phim phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này và các quy định sau đây:

- a) Bảo đảm tỷ lệ suất chiếu phim Việt Nam, khung giờ chiếu phim Việt Nam, thời lượng và khung giờ chiếu phim cho trẻ em;
- b) Bảo đảm người xem phim đúng độ tuổi theo phân loại phim;
- c) Miễn, giảm giá vé cho người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, trẻ em, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và đối tượng khác theo quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện kết nối dữ liệu, chế độ báo cáo tình hình hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Khuyến khích cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong rạp chiếu phim phổ biến phim tuyên truyền chính sách, pháp luật của Nhà nước trước buổi chiếu phim.

5. Chính phủ quy định chi tiết điểm a và điểm c khoản 3 Điều này.

Điều 20. Phổ biến phim trên hệ thống truyền hình

1. Cơ quan báo chí được phép phổ biến phim trên hệ thống truyền hình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có giấy phép hoạt động truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí;

b) Có Quyết định phát sóng để phổ biến phim trên hệ thống truyền hình Việt Nam hoặc phổ biến phim trên gói dịch vụ truyền hình theo yêu cầu, trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu trên không gian mạng.

2. Cơ quan báo chí quy định tại khoản 1 Điều này phổ biến phim trên hệ thống truyền hình phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này và phải bảo đảm tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam so với phim nước ngoài, khung giờ phát sóng phim Việt Nam, thời lượng và khung giờ phát sóng phim cho trẻ em trên các kênh truyền hình trong nước theo quy định của Chính phủ.

3. Việc cấp và thu hồi Quyết định phát sóng do người đứng đầu cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động truyền hình quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích phổ biến phim Việt Nam sản xuất sử dụng ngân sách nhà nước, phim do tổ chức, cá nhân tài trợ, hiến tặng.

Điều 21. Phổ biến phim trên không gian mạng

1. Chủ thể được phép phổ biến phim trên không gian mạng là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức thực hiện hoạt động phổ biến phim theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chủ thể phổ biến phim trên không gian mạng quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 18 của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:

a) Không được phổ biến phim vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Trước khi phổ biến phim trên không gian mạng, phải bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, kết quả phân loại phim; trường hợp chưa bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim thì đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Cơ quan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền thực hiện phân loại đối với phim chưa được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 27 của Luật này;

c) Thông báo danh sách phim sẽ phổ biến và kết quả phân loại phim cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi thực hiện phổ biến phim trên không gian mạng;

d) Thực hiện biện pháp kỹ thuật cần thiết và hướng dẫn để cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em tự kiểm soát, quản lý, bảo đảm trẻ em xem phim phổ biến trên không gian mạng phù hợp với độ tuổi xem phim; để người sử dụng dịch vụ báo cáo về phim vi phạm quy định của Luật này;

đ) Cung cấp đầu mối, thông tin liên hệ để tiếp nhận, xử lý yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; phản ánh, khiếu nại, tố cáo của người sử dụng dịch vụ;

e) Gỡ bỏ phim vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tổ chức, doanh nghiệp có nền tảng truyền thông số để phổ biến phim tại Việt Nam có trách nhiệm sau đây:

a) Triển khai các giải pháp kỹ thuật, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gỡ bỏ, ngăn chặn phim vi phạm;

b) Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm a và điểm d khoản 2 Điều này.

4. Tổ chức, doanh nghiệp có mạng viễn thông có trách nhiệm ngăn chặn truy cập phim vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức nhân lực, phương tiện kỹ thuật để thực hiện việc kiểm tra nội dung phim, phân loại, hiển thị kết quả phân loại phim phổ biến trên không gian mạng; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện các biện pháp ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật.

6. Chính phủ quy định chi tiết các điểm b, c, d và đ khoản 2, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 22. Phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng

1. Tổ chức phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, y tế, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường và các điều kiện khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Cung cấp danh mục phim chiếu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nơi tổ chức đăng ký kinh doanh.

2. Tổ chức phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng phải thông báo bằng văn bản về nội dung, chương trình chiếu phim cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì tổ chức phổ biến phim được phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng; trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng địa điểm chiếu phim công cộng phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này và các quy định sau đây:

a) Tuân thủ quy định về hoạt động kinh doanh, điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, y tế, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Thay đổi thời gian, quy mô chiếu phim tại địa điểm chiếu phim công cộng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Khuyến khích tổ chức phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng phổ biến phim tuyên truyền chính sách, pháp luật của Nhà nước trước buổi chiếu phim.

Điều 23. Phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn

1. Phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn là hoạt động thường xuyên theo kế hoạch hằng năm được chính quyền địa phương quyết định và đầu tư thiết bị phổ biến phim, phương tiện vận chuyển phù hợp với thực tế của từng địa phương.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi phí tổ chức phổ biến phim ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm tối thiểu 50% chi phí tổ chức phổ biến phim ở vùng nông thôn.

3. Khuyến khích cơ sở điện ảnh tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin cung cấp phim để phổ biến phim ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn.

Điều 24. Phổ biến phim tại trụ sở cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập tại Việt Nam

Việc phổ biến phim tại trụ sở cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập tại Việt Nam cho đối tượng không phải là cán bộ, nhân viên của tổ chức đó phải bảo đảm các quy định sau đây:

1. Thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 18 và Điều 22 của Luật này.

Điều 25. Quảng cáo phim

1. Tổ chức, cá nhân được quảng cáo phim thông qua đoạn giới thiệu phim hoặc các thông tin liên quan đến bộ phim trước, trong quá trình sản xuất, phát hành, phổ biến phim theo quy định của pháp luật về quảng cáo và không được vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân không được chiếu toàn bộ nội dung phim để quảng cáo khi chưa có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

Điều 26. Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong phim

Việc quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong phim được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Cấp Giấy phép phân loại phim

1. Thẩm quyền cấp Giấy phép phân loại phim được quy định như sau:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép phân loại phim phổ biến trong rạp chiếu phim; tại địa điểm chiếu phim công cộng; trên không gian mạng trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 của Luật này; tại trụ sở cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập tại Việt Nam quy định tại Điều 24 của Luật này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được cấp Giấy phép phân loại phim khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Giấy phép phân loại phim do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp có giá trị trong toàn quốc.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Bản sao văn bản chứng minh quyền sở hữu phim hoặc quyền sử dụng phim hợp pháp;

c) Bản phim hoàn chỉnh;

d) Bản thuyết minh phim bằng tiếng Việt đối với phim nước ngoài.

4. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép phân loại phim theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp phim phải điều chỉnh nội dung hoặc hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản phim đã điều chỉnh nội dung, 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đã sửa đổi, bổ sung đầy đủ thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép.

Điều 28. Thay đổi nội dung phim và tên phim trong Giấy phép phân loại phim

1. Trường hợp thay đổi nội dung phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đề nghị cấp lại Giấy phép phân loại phim theo quy định tại Điều 27 của Luật này.

2. Trường hợp thay đổi tên phim mà không thay đổi nội dung phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim, tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp Giấy phép phân loại phim.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, nếu không đồng ý, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 29. Thu hồi Giấy phép phân loại phim

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép phân loại phim quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này quyết định thu hồi Giấy phép phân loại phim trong những trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép phân loại phim được cấp không đúng quy định;
- b) Thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim là giả mạo.

2. Cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim, tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy phép phân loại phim có trách nhiệm khắc phục vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này do mình gây ra.

Việc tiếp tục đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim sau khi đã khắc phục vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật này.

Điều 30. Dừng phổ biến phim

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định dừng phổ biến phim là cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim, cơ quan tiếp nhận thông báo về nội dung, chương trình chiếu phim tại địa điểm chiếu phim công cộng hoặc cơ quan thanh tra theo quy định của Chính phủ.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định dừng phổ biến phim bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, thời điểm, thời hạn dừng phổ biến phim đối với một trong các trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này;
- b) Vì lý do quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp.

3. Trường hợp có nhu cầu tiếp tục phổ biến phim, tổ chức gửi văn bản đề xuất việc tiếp tục phổ biến phim đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất việc tiếp tục phổ biến phim, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản đến tổ chức đã đề xuất việc phổ biến phim.

4. Tổ chức bị dừng phổ biến phim phải công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc dừng phổ biến phim và chịu trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Hội đồng thẩm định, phân loại phim

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định, phân loại phim được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng thẩm định, phân loại phim của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định, phân loại phim của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Người đứng đầu cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động truyền hình thành lập Hội đồng thẩm định, phân loại phim của cơ quan báo chí.

2. Hội đồng thẩm định, phân loại phim có trách nhiệm tư vấn cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi cấp Giấy phép phân loại phim, Quyết định phát sóng. Thành phần của Hội đồng thẩm định, phân loại phim bao gồm nhà chuyên môn điện ảnh, chuyên gia, nhà quản lý thuộc các lĩnh vực liên quan, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới

3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định, phân loại phim.

Điều 32. Phân loại phim

1. Phim được phân loại theo nội dung để phổ biến phù hợp với độ tuổi người xem hoặc không được phép phổ biến như sau:

a) Loại P: Phim được phép phổ biến đến người xem ở mọi độ tuổi;

b) Loại T18 (18+): Phim được phổ biến đến người xem từ đủ 18 tuổi trở lên;

c) Loại T16 (16+): Phim được phổ biến đến người xem từ đủ 16 tuổi trở lên;

d) Loại T13 (13+): Phim được phổ biến đến người xem từ đủ 13 tuổi trở lên;

đ) Loại K: Phim được phổ biến đến người xem dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ;

e) Loại C: Phim không được phép phổ biến.

2. Tiêu chí phân loại phim áp dụng chung cho các hình thức phổ biến phim do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Chương V

LƯU CHIẾU PHIM, LƯU TRỮ PHIM

Điều 33. Lưu chiếu phim

1. Cơ sở điện ảnh có phim được cấp Giấy phép phân loại phim theo quy định phải nộp lưu chiếu 01 bản phim cho cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim. Đối với phim Việt Nam sử dụng ngân sách nhà nước phải nộp kịch bản và tài liệu kèm theo phim.
2. Thời hạn lưu chiếu phim Việt Nam là 12 tháng kể từ ngày phim được cấp Giấy phép phân loại phim; thời hạn lưu chiếu phim nhập khẩu theo quy định trong Giấy phép phân loại phim.
3. Hết thời hạn lưu chiếu, cơ quan nhận lưu chiếu phim có trách nhiệm sau đây:
 - a) Chuyển bản phim lưu chiếu không khóa mã, kịch bản và tài liệu kèm theo phim cho cơ sở lưu trữ phim đối với phim Việt Nam sản xuất sử dụng ngân sách nhà nước;
 - b) Chuyển bản phim lưu chiếu cho cơ sở lưu trữ phim đối với phim Việt Nam sản xuất không sử dụng ngân sách nhà nước;
 - c) Trả lại bản phim lưu chiếu cho cơ sở nộp lưu chiếu đối với phim nhập khẩu.
4. Cơ sở điện ảnh phải mở mã khóa phim để đối chiếu, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim.

Điều 34. Lưu trữ phim

1. Cơ sở lưu trữ phim thuộc cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch có trách nhiệm lưu trữ phim Việt Nam đã được cấp Giấy phép phân loại phim.
2. Cơ sở lưu trữ phim thuộc cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động truyền hình có trách nhiệm lưu trữ phim của cơ quan, đơn vị.
3. Cơ sở lưu trữ phim thuộc Bộ, ngành lưu trữ phim lưu hành nội bộ; cơ quan nghiên cứu khoa học lưu trữ phim của cơ quan, đơn vị.

Điều 35. Quyền và trách nhiệm của cơ sở lưu trữ phim

1. Lưu trữ, cung cấp bản sao, in trích tư liệu cho chủ sở hữu phim và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động bảo quản, lưu trữ, phục hồi phim; khai thác phim theo thỏa thuận với chủ sở hữu phim.
3. Mua, nhận chuyển giao phim ở trong nước và nước ngoài có giá trị để phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.
4. Cung cấp dịch vụ lưu trữ; bán, cho thuê, phổ biến phim lưu trữ theo thỏa thuận với chủ sở hữu phim.

5. Bảo đảm an toàn bản phim, kịch bản và tài liệu kèm theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.
6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ đối với phim lưu trữ tại cơ sở.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phim trong hoạt động lưu chiếu, lưu trữ

1. Được cơ sở lưu trữ phim bảo đảm an toàn bản phim, tư liệu, tài liệu kèm theo phim; bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.
2. Quyết định việc bán, cho thuê, phổ biến, sử dụng dịch vụ đối với phim lưu trữ.
3. Nộp lưu chiếu phim theo quy định tại Điều 33 của Luật này.
4. Mở mã khóa phim để đối chiếu, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương VI

QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH; QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Mục 1. QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Điều 37. Nội dung quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh

1. Quảng bá phim Việt Nam, môi trường hoạt động điện ảnh, hệ sinh thái sản xuất phim, bản sắc văn hóa, đất nước, con người Việt Nam.
2. Xây dựng, quảng bá thương hiệu điện ảnh quốc gia, vùng, địa phương, doanh nghiệp; nghiên cứu, phát triển thị trường điện ảnh trong nước và nước ngoài.
3. Tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về điện ảnh, góp phần bảo đảm môi trường hoạt động điện ảnh an toàn, lành mạnh và văn minh.
4. Vận động, tìm kiếm cơ hội, huy động nguồn lực đầu tư phát triển điện ảnh; đa dạng hóa thể loại phim và nâng cao chất lượng phim Việt Nam.

Điều 38. Liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam

1. Cơ quan nhà nước ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam theo các quy định sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm về việc tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim;

b) Phim tham gia liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim phải được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

c) Thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về kế hoạch thực hiện ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức và kết quả thực hiện chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim.

2. Cơ quan, tổ chức Việt Nam không phải là cơ quan nhà nước ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Chính phủ và phải thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài, cơ quan ngoại giao, Cơ sở văn hóa nước ngoài khi tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì tổ chức liên hoan phim quốc gia và liên hoan phim quốc tế tại Việt Nam theo định kỳ.

5. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim quy định tại khoản 3 Điều này được quy định như sau:

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim và cuộc thi phim bao gồm văn bản đề nghị cấp giấy phép theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; đề án nêu rõ mục đích, ý nghĩa và tiêu chí, nội dung, cơ cấu tổ chức, kinh phí, phân công nhiệm vụ và tổ chức thực hiện; điều lệ nêu rõ đối tượng tham dự, cơ cấu giải thưởng và thành phần ban giám khảo;

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tổ chức chương trình phim và tuần phim bao gồm văn bản đề nghị cấp giấy phép theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; danh mục phim tham gia chương trình phim, tuần phim; bản sao Giấy phép phân loại phim.

6. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim được quy định như sau:

a) Cơ quan, tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ phải điều chỉnh nội dung hoặc bổ sung thông tin theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung hoặc bổ sung đầy đủ thông tin, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp giấy phép.

7. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 5 Điều này sau khi được cấp giấy phép, cơ quan, tổ chức phải thực hiện đề nghị cấp lại giấy phép theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện cấp giấy phép.

8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thu hồi giấy phép trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật này trong quá trình tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim;

b) Thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là giả mạo;

c) Không thực hiện đúng nội dung giấy phép.

Điều 39. Tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài theo kế hoạch.

2. Cơ quan, tổ chức khác tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài thông báo bằng văn bản cho cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại hoặc địa bàn kiêm nhiệm về nội dung, kế hoạch tổ chức ít nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức.

3. Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại hoặc địa bàn kiêm nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài và thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong trường hợp phát hiện thấy nội dung không phù hợp.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về việc tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài.

Điều 40. Phim tham gia liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam và nước ngoài

1. Phim tham gia liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam và nước ngoài là phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

2. Trường hợp thể lệ liên hoan phim, giải thưởng điện ảnh quốc tế quy định phim tham gia là phim đại diện quốc gia thì việc tuyển chọn phim do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định và tổ chức thực hiện.

Điều 41. Chế độ ưu đãi đối với tổ chức nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam

Tổ chức nước ngoài sản xuất phim sử dụng bối cảnh quay tại Việt Nam, các dịch vụ sản xuất phim do tổ chức của Việt Nam cung cấp được ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Mục 2. QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Điều 42. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được Nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ, thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước; có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 43. Mục đích của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Hỗ trợ cho dự án sản xuất phim thể nghiệm, phim đầu tay, phim của tác giả trẻ.

2. Hỗ trợ cho tác giả, dự án sản xuất phim, phim Việt Nam xuất sắc tham gia liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, hội chợ phim, chương trình phim, tuần phim tại nước ngoài.

3. Hỗ trợ các hoạt động khác để phát triển điện ảnh.

Điều 44. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Không vì mục đích lợi nhuận; bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý.

2. Thực hiện thu, chi, quyết toán, công khai tài chính, tài sản và công tác kế toán theo quy định của pháp luật.

3. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước về các hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật, không trùng lặp với nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động sự nghiệp điện ảnh. Quỹ không hỗ trợ các dự án sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Số dư kinh phí năm trước của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐIỆN ẢNH

Điều 45. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện ảnh.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh và có trách nhiệm sau đây:
 - a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về điện ảnh, chiến lược, kế hoạch phát triển điện ảnh;
 - b) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về điện ảnh;
 - c) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động điện ảnh; hệ thống chỉ tiêu thống kê, cơ sở dữ liệu ngành điện ảnh;
 - d) Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực điện ảnh;
 - đ) Hợp tác quốc tế trong hoạt động điện ảnh; quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh trong nước và nước ngoài;
 - e) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động điện ảnh;
 - g) Cấp, thu hồi giấy phép trong hoạt động điện ảnh; dừng phổ biến phim theo thẩm quyền;
 - h) Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động điện ảnh;
 - i) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động điện ảnh theo thẩm quyền.

Điều 46. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Bộ, cơ quan ngang Bộ

Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh.

Điều 47. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh tại địa phương; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, y tế, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường tại các địa điểm tổ chức sản xuất, phát hành và phổ biến phim.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng, ban hành, thực hiện kế hoạch phát triển điện ảnh phù hợp với thực tế tại địa phương;

b) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ, thu hút nhằm tạo điều kiện phát triển điện ảnh tại địa phương;

c) Đầu tư phát triển điện ảnh; xây dựng, kiện toàn, củng cố tổ chức và hoạt động phát hành, phổ biến phim tại địa phương;

d) Tiếp nhận thông báo và trả lời thông báo đối với việc phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng trong phạm vi quản lý;

đ) Cấp, thu hồi Giấy phép phân loại phim, dùng phổ biến phim theo thẩm quyền;

e) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động điện ảnh theo thẩm quyền.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15

Sửa đổi, bổ sung mục 192 thuộc Phụ lục IV - Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15 như sau:

192	Kinh doanh dịch vụ phổ biến phim
-----	----------------------------------

Điều 49. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2009/QH12, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 61/2020/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 50. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy phép phổ biến phim, Quyết định phát sóng được cấp theo quy định của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2009/QH12, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 61/2020/QH14 được tiếp tục thực hiện theo quy định trong Giấy phép phổ biến phim, Quyết định phát sóng.

Giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài được cấp theo quy định của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2009/QH12, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 61/2020/QH14 thì tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn ghi trong giấy phép.

2. Phim đã được cấp Giấy phép phổ biến phim hoặc Quyết định phát sóng nhưng chưa thực hiện cảnh báo và hiển thị mức phân loại phim đến người xem theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải bổ sung cảnh báo và hiển thị mức phân loại phim đến người xem trong trường hợp tiếp tục phổ biến.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2022./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ